

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/HNGĐ - ST

Ngày 20- 4- 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Ông Phan Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2018/TLST- HNGĐ ngày 5 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị H và anh T kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 6 năm 2003 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, cưới nhau xong hai vợ chồng sinh sống, làm ăn ở thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, hay chơi bời, cờ bạc rượu chè. Hai vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Quá trình sống ly thân anh T không quan tâm chăm lo gì đến chị và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị H không còn tình cảm với anh và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Dương Bá S sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004 và cháu Dương Duy G, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G, còn anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trình bày:

Anh T thừa nhận thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của hai vợ chồng như chị H trình bày ở trên là đúng. Theo anh hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không cãi nhau, đánh nhau. Chị H có bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 27 tháng 12 năm 2017 đến nay, anh khuyên can nhưng không được. Nay chị H làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Dương Bá S sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004 và cháu Dương Duy G, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Nếu ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Cho chị Dương Thị H và anh Dương Văn T được ly hôn. Giao cho chị Dương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Dương Duy G, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008 (hiện nay cháu G đang ở với anh T); giao cho anh Dương Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Dương Bá S sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn; và giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Dương Văn T và đề nghị giải quyết nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh T hiện đang có hộ khẩu tạm trú ở Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc và lời khai của chị Dương Thị H và anh Dương Văn T thể hiện chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã C, huyện D vào ngày 20 tháng 6 năm 2003, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị H xin ly hôn với anh T, nhưng anh T lại xin đoàn tụ; tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thấy rằng chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay, chị H đã bỏ về nH bố mẹ đẻ ở, bản thân anh T cũng có 02 tiền án, tuy anh T xin đoàn tụ nhưng thực tế từ khi chị H làm đơn xin ly hôn đến nay anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Dương Thị H và anh Dương Văn T được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Dương Văn T có hai con chung là cháu Dương Bá S sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004 và cháu Dương Duy G, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T, ly hôn

chị H xin được nuôi cháu G; còn để anh T nuôi cháu S, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anh T xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con, chị H có thu nhập ổn định, và có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung ; quá trình Tòa án giải quyết anh T không chứng minh được thu nhập của bản thân, tuy nhiên vì anh chỉ tranh chấp không thống nhất về việc nuôi con chung và chị H xin đề nghị được nuôi 01 cháu là cháu S; để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển ổn định về thể chất và tinh thần nên sẽ giao cho chị H nuôi cháu G vì hiện nay cháu G còn nhỏ, anh T nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu S là phù hợp, chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung; tuy nhiên, nếu anh T không đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì chị H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi quyền nuôi con bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Cho chị Dương Thị H và anh Dương Văn T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Dương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Dương Duy G, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008 (hiện nay cháu G đang ở với anh T); giao cho anh Dương Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Dương Bá S sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002513 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

